

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2022
Về việc “Tranh chấp Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi D.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng V.
2. Bà Nguyễn Thị X.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức T1 – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Đ – Kiểm Sát Viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận M Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị T2, sinh năm 1989

Địa chỉ: A, đường H, phường H1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn U, sinh năm 1982

Địa chỉ: C, đường N, Phường E, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn bà Hồ Thị T2 trình bày như sau:

Bà Hồ Thị T2 và ông Dương Văn U tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, Quận M theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61/2015

quyển số 01/2015 ngày 10/9/2015. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Dương Bảo O, sinh ngày 19/3/2017.

Nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà và ông U có khác biệt lớn về suy nghĩ, tính cách dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên Bà và ông U đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay.

- Về con chung: Bà yêu cầu được giữ nuôi con chung là Dương Bảo O, sinh ngày 19/3/2017 và yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Dương Văn U thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông U đều không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên toà hôm nay:

Các đương sự đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Hồ Thị T2 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn U có địa chỉ tại Số F, Đường G, Cư xá Z, Phường I, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận M theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Hồ Thị T2 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Dương Văn U đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Hồ Thị T2 và ông Dương Văn U.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61/2015 quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường E, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 10/9/2015, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Văn U và bà Hồ Thị T2 là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy đã đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, giữa ông U và bà T2 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm thấy sự thông cảm và chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình, vì vậy hai bên đã sống ly thân.

Suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông U tham gia các buổi hòa giải, xét xử để ông U có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T2 tuy nhiên ông U không có mặt. Như vậy thể hiện ông U đã không còn ý muốn gìn giữ gia đình và cuộc sống chung vợ chồng.

Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị T2 với ông Dương Văn U.

[3] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 52 ngày 03/6/2017 của Ủy ban nhân dân Phường E, Quận M thì bà Hồ Thị T2 và ông Dương Văn U có 01 con chung tên Dương Bảo O sinh ngày 19/3/2017.

Bà T2 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Tại khoản 1, Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“...Cha, mẹ có nghĩa vụ thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển...”*

Tại khoản 1, Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên....*

Căn cứ vào các quy định của pháp luật đã nêu trên thì bà T2 là người phù hợp nhất để nuôi cháu O, bởi lẽ bà T2 là người gần gũi và có đủ điều kiện chăm sóc con trẻ, trẻ còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T2 về việc giao cháu O cho bà T2 nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp với chi phí cơ bản để nuôi dưỡng trẻ O nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T2, buộc ông U phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ O đủ 18 tuổi .

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn sẽ được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: bà Hồ Thị T2 không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn - Bà Hồ Thị T2 và ông Dương Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 69; Điều 71; Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị T2.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị T2 được ly hôn với ông Dương Văn U.

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung là trẻ Dương Bảo O sinh ngày 19/3/2017 cho bà Hồ Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương Văn U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi trẻ O đủ 18 tuổi.

Ông Dương Văn U được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Không ai có quyền cản trở ông U thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

đồng bà T2 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0032842 ngày 26/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M. Bà Hồ Thị T2 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hồ Thị T2, bị đơn Ông Dương Văn U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND M, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự M;
- Ủy ban nhân dân Phường E, Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi D